



Toàn cảnh đền Quả



Đền Quả và Lý Nhật Quang Vị Trí châu đầu tiên của Nghệ An

■ ThS. Huy Huyền, Ts. Dương Thị Thanh Hải

1. Đền thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang 威明王李日光, còn có tên là Lý Hoảng 李暘 (? - 1057), con trai thứ 8 của Lý Công Uẩn 李公蕴 - tức vua Lý Thái Tổ 李太祖 (974-1028), em trai cùng mẹ của vua Lý Thái Tông 李太宗 (1000-1054; ở ngôi 1028-1054). Các thần tích xứ Nghệ còn chép tên ông là Lý Hoảng 李暘. Theo cố GS. Hà Văn Tấn (1937 - 2019) thì đây là chép nhầm vì các chữ dính vào nhau⁽¹⁾. Mẹ là Linh Hiển Thái hậu họ Lê. Theo chính sử, năm 1039, Lý Nhật Quang được vua Lý Thái Tông cử vào trông coi việc tô thuế ở vùng đất Nghệ An, năm 1041, được bổ nhiệm làm Tri châu Nghệ An với tước hiệu Uy Minh hầu⁽²⁾. Lúc này, Nghệ An là một vùng biên ải phía Nam của nước Đại Việt, việc quản lý còn lỏng lẻo. Nhiều cuộc nổi dậy cát cứ ở địa phương khiến

nhân dân khôn khổ, triều đình phải nhiều phen cất quân đánh dẹp. Nhưng sau khi Lý Nhật Quang được cử làm Tri châu, tình hình xã hội ở châu Nghệ An dần dần ổn định, kỷ cương phép nước được lập lại. Đây là dấu mốc quan trọng khẳng định vai trò và ảnh hưởng to lớn của Lý Nhật Quang với vùng đất Nghệ An. Danh xưng Nghệ An (châu) xuất hiện vào năm 1030⁽³⁾. Đặt tên cho vùng đất biên ải phía Nam này là Nghệ An, hẳn nhà Lý muốn gửi gắm mong ước vùng đất biên viễn này luôn luôn yên bình (Nghệ An 义安 nghĩa là thái bình vô sự). Từ năm 1030-1040 không thấy chính sử nhắc đến vị Tri châu

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

nào cai quản vùng đất này nên có thể xem Lý Nhật Quang là vị Tri châu đầu tiên của Nghệ An. Theo chính sử, trong các năm này ông đã cho đặt trạm canh phòng ở những nơi hiểm yếu, lập trại Bà Hòa (ở sông Bà Hòa, nay thuộc xã Đông Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa - chủ thích của các dịch giả *Đại Việt sử ký toàn thư*), “*đặt điểm canh các nơi cất chứa lương thực đầy đủ*” sẵn sàng phục vụ cho các cuộc hành quân. Năm 1044, vua Lý Thái Tông đem quân đánh Chiêm Thành, khi qua Nghệ An được đáp ứng quân lương kịp thời. Tháng 9 năm đó, chiến thắng trở về vua đã thăng Lý Nhật Quang từ tước “hầu” lên tước “vương” và ban cho ông quyền Tiết việt 節鉞 (quyền thay mặt nhà vua định đoạt mọi chuyện chính sự tại Nghệ An, vùng đất biên viễn cực Nam của quốc gia Đại Việt bấy giờ - HSH chú)⁽⁴⁾. Trong những năm 1039-1057, cai quản châu Nghệ An, Lý Nhật Quang là vị quan liêm khiết, thương dân, có công lớn giúp Nghệ An xây dựng kinh tế, nhất là khai khẩn đất hoang phát triển nông nghiệp. Lý Nhật Quang là nhà khai hoang nổi tiếng đầu tiên của nước ta, ông đã mở thêm được 5 châu, 22 trại,



Tượng đức Thánh Lý Nhật Quang

56 sách ở Nghệ An⁽⁵⁾. Sử cũ ghi chép về Lý Nhật Quang chỉ vắn vắn mấy dòng, nhưng công lao của ông lưu truyền rộng rãi đời này qua đời khác trong dân gian xứ Nghệ. Ông rất xứng đáng với tên gọi Nhật Quang 日光 (ánh sáng mặt trời) sáng mãi trong lòng người dân Nghệ An xưa nay! Theo *Sự tích thần đền Quả*: “*Ông chủ trương khai thác quy mô đất Nghệ An. Vùng Vĩnh Hòa tức Khe Bó (nay thuộc xã Tam Quang, huyện Tương Dương, cách Cửa Rào 30km về phía Đông Nam... - HSH chú), vùng Cự Đôn (thuộc huyện Con Cuông bây giờ), vùng tổng Nam Kim thuộc Nam Đàn, rồi một số vùng khác ở Nghi Xuân, ở Thạch Hà, ở Kỳ Anh..., là do ông chiêu dân lập ấp và sử dụng tù binh để khai khẩn. Tại nơi trấn trị thuộc Đô Lương bây giờ, ông lập ra đạo quân Nghiêm Thắng để giữ yên bờ cõi. Ông chủ trương đào và nạo vét các đoạn sông Đa Cát, Bà Hòa để thuận lợi trong việc giao thông đường thủy. Ông khởi xướng việc đắp đê sông Lam, tiền thân của đê 42 sau này. Ông còn tu sửa 2 con đường thượng đạo ở miền núi Nghệ An, một từ Đô Lương lên Kỳ Sơn, đặc biệt là con đường thượng đạo từ Nghệ An ra Thanh Hóa, rồi ra Ninh Bình để đến Thăng Long. Ông còn khuyến khích việc phát triển nông nghiệp, thường khuyên dân phải trồng dâu nuôi tằm, chăm lo cây cối làm ăn...”⁽⁶⁾. Sách *Bách thần sự tích* chép lại những lời truyền tụng rộng rãi trong dân chúng: “*Ngài ở châu 19 năm (tính từ 1039 - năm ông vào phụ trách việc thu thuế đến năm 1057 ông mất - HSH chú) trừng trị bọn gian, khen thưởng người lành, khai khẩn đất hoang, chiêu mộ lưu dân, bọn vô lại phải im hơi, người dân được vỗ về yên nghiệp. Người thường qua lại vùng này, vùng khác, dạy nghề làm ruộng, chăn tằm, trồng cây cối, nuôi gia súc, có nhiều chính sách làm lợi cho dân, làm cho nhân dân đoàn kết, có người đến kiện tụng thì lấy liêm sỉ, lễ nghĩa giảng dạy, ai cũng được cảm hóa, không cần đến kiện cáo nữa... Hồi ấy người Ô Châu thường đến cướp phá vùng Kỳ Hoa, Thạch Hà, ngài bèn dẹp yên, lấy ân tín để phủ dụ. Ô Châu không còn dám gây tai họa nữa... Đến khi ngài qua đời, nhân dân lập đền thờ ngài”⁽⁷⁾. Trong tác phẩm *Việt điện u linh* - tập sách sưu tầm những chuyện huyền bí lưu hành trong dân gian, danh sĩ Lý Tế Xuyên (thế kỷ XIV) ca ngợi Lý Nhật Quang: “*Vương là người trung hiếu, cung cần, hành động quả cảm, gọi là Bát Lang Hoàng tử. Niên hiệu Càn Phù Hữu Đạo năm đầu - tức năm 1039 - HSH***

chủ) được chọn làm việc tô thuế ở Nghệ An, giữ chức mấy năm, sợi tơ sợi tóc của dân không hề xâm phạm, nổi tiếng liêm trực, vua rất yêu mến... Vương coi việc châu ấy mười sáu năm, tiếng lành ngày càng vang xa, nhân dân tin yêu. Nghe tin vương từ chức, dân tranh nhau níu xe, giữ ngựa, khóc lóc... Dân trong châu xin lập đền thờ, cầu tạnh cầu mưa, không gì không linh ứng, là một vị đại phúc thần của cả châu⁽⁸⁾. Nhà Nghệ An học, cố PGS Ninh Viết Giao (1933-2014) và một số nhà báo cho biết, ngoài đền chính Quả Sơn, từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh (trước năm 1831, Nghệ An gồm cả Hà Tĩnh ngày nay) còn có trên 50 nơi dựng đền đặt hiệu bụt thờ Lý Nhật Quang. Đặc biệt, có những đền cùng thờ nhiều vị thần nhưng Uy Minh Vương Lý Nhật Quang được chọn làm vị thần chủ của đền (Chẳng hạn miếu Tam Tòa còn đến ngày nay ở xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, ngoài việc thờ vị thần chủ Lý Nhật Quang, còn thờ Tứ vị Thánh Nương, thần Bản Thổ và Thần Nông...)⁽⁹⁾. Riêng vùng Bạch Ngọc - nơi đã từng là lý sở trấn trị của châu đã có tới 8 đền thờ Uy Minh Vương Lý Nhật

Quang. Ngoài ra, nhân dân Chiêm Thành nhớ ơn Lý Nhật Quang có công giúp vua Chiêm ổn định đất nước đã lập đền dưới chân núi Tam Tòa, cửa biển Thị Nại (nay thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), gọi là đền Tam Tòa (nay chỉ còn phế tích) để thờ ông. Đây là một trong số ngôi đền cổ có niên đại tương đương với đền Quả. Vì vậy, mọi người cũng gọi ông là Tam Tòa đại vương, Đức Thánh Tam Tòa. Tóm lại, Lý Nhật Quang là người có công đầu trong sự phát triển của Nghệ An nói riêng và sự thịnh trị của cả đất nước nói chung buổi đầu triều Lý⁽¹⁰⁾. Với vị trí địa - quân sự quan trọng, Nghệ An luôn được các nhà nước phong kiến quan tâm đặc biệt. Các vị quan trấn trị ở đây thường là những người trung thành, tài năng xuất chúng. Sau Lý Nhật Quang, vào thời Lý và thời Trần cai quản Nghệ An từng có các đại thần tên tuổi lừng lẫy như Lý Đạo Thành (?- 1081), Lý Thường Kiệt (1019-1105), Trần Quang Khải (1241-1294), Trần Nhật Duật (1255-1331)... Cùng với Thanh Hóa (Ái Châu), Nghệ An (Hoan Châu) luôn là nguồn bổ sung quân đội hết sức quan trọng. Người lính vùng này nổi tiếng trung thành, thiện chiến. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần 2 (1285), để động viên tướng sĩ, vua Trần Nhân Tông từng viết:

會稽舊事君須記，驩愛猶存十萬兵。
(Cối Kê cựu sự quân tu ký/ Hoan Ái do tồn thập vạn binh. Dịch nghĩa: Cối Kê việc cũ người nên nhớ/ Hoan Ái còn kia mười vạn quân)⁽¹¹⁾.



Lễ rước Ngài lên tạ ơn tại chùa bà Bụt

XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

2. Trở lại đền chính Quả Sơn thờ Lý Nhật Quang. Đền được xây dựng từ thế kỷ XI, sau đó được trùng tu và nâng cấp nhiều lần, gồm các công trình: nhà canh, nhà hỏa, lầu ca vũ, tả vu, hữu vu, hạ điện, trung điện, thượng điện. Toàn bộ sân và các lối đi trong đền đều được lát gạch Bát Tràng. Đường từ cổng đền xuống Bến Đền bờ sông Lam còn được kê đá vững chãi. Năm 1953, đền bị máy bay Pháp bắn phá hư hỏng nặng. Năm 1995, đền được khôi phục lại với quy mô nhỏ hơn, nhưng vẫn mang dáng dấp kiêu kiến trúc cổ cuối Lê đầu Nguyễn, hội tụ tư duy sáng tạo, mới mẻ: Bộ khung của các công trình trong đền được lấy từ các nơi đưa về và dựng lại. Đền bao gồm nhiều hạng mục, điển hình như: Tòa nhà hình chữ công (工), gồm Thượng điện, Trung điện và Hạ điện nối liền tiếp với nhau - thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang; Tả vu thờ Đông Chính Vương, Hữu vu thờ Dục Thánh Vương - 2 vị hoàng tử được nhà vua cử vào phò tá Lý Nhật Quang trong việc thực hiện chính sự. Xung quanh đền là những hàng cây xanh rợp bóng mát.

Hiện nay, trong đền còn lưu giữ nhiều hiện vật quý hiếm như hương án, long ngai, kiếm thờ, chén, bát bằng bạc, đĩa bằng ngà, chuông đồng, hạc đồng cao bằng đầu người lớn. Đặc biệt, có di tượng cổ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang làm bằng gỗ quý, sơn son thiếp vàng, mặc áo bào bằng lụa vàng, dáng ngồi khoan thai trên ngai, khuôn mặt hiền từ, 2 tay bắt quyết để ngửa trên đầu gối. Tượng được đặt ở gian giữa trong cung cấm, chỉ vào ngày lễ trọng mọi người mới được chiêm bái dung nhan Ngài.

Ngoài ra còn có phần mộ đức thánh Lý Nhật Quang ở bên trái đền. Xưa kia mộ đắp bằng đất. Tương truyền, trong một lần dẹp giặc Lão Qua (Lào), Ngài bị trọng thương. Ngựa quý đưa Ngài về đến thôn Thượng Thọ, xã Bạch Đường,

có bà Tiên ở Tiên tích tự 仙蹟寺 (tức chùa Bà Bụt) hiện ra báo Ngài: “*Quả Sơn là nơi linh địa, huyết thực muôn đời, có thể hóa thân ở xứ ấy*”⁽¹²⁾. Ngài nghe lời, đến Quả Sơn thì hóa. Quan quân bèn đắp mộ, dựng đền thờ Ngài ở đấy. Năm 1996, chính quyền huyện Đô Lương tôn tạo lại khu mộ, xây theo kiểu tiền miếu, hậu mộ. Mộ xây theo hình bát giác, xung quanh đắp hình hoa sen phía trên ôm gọn phần mộ đất ở bên trong.

Trải qua những thăng trầm lịch sử, đền Quả đã trở thành một tòa đền linh thiêng soi bóng trên bờ sông Lam, được xếp vào hàng danh thắng của tỉnh Nghệ An, được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) ra quyết định số 55-1999 QĐ/BVHTT ngày 12/02/1998 công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia⁽¹³⁾.

Trong đền hiện nay còn hai bức đại tự “*Nam thiên Thánh tích*” 南天聖蹟: Dấu tích Đức thánh tại trời Nam; “*Anh linh vạn cổ*” 英靈萬古: Ngôi đền linh thiêng muôn thuở.

Vào đền còn có thể đọc các câu đối ca ngợi vị thánh Lý Nhật Quang. Chẳng hạn hai câu khắc trên cột quyết: “*Danh tại sử thư, thần tại miếu/ Công ư bang quốc, đức ư dân*” 名在史書神在廟/ 功於邦國德於民 (Tên tuổi ở sử sách, làm thần ở đền miếu/ Công lao với đất nước, có đức với nhân dân); *Hoan khố chí kim di ái địa/ Quả Sơn chung cổ tối linh từ* 驩闕至今遺愛地/ 果山終古最靈祠 Hoan Khố đến nay còn đất quý/ Quả Sơn từ cổ vẫn đền thiêng (Khố 闕 là ngưỡng cổng thành bên ngoài. Hoan Khố ở đây chỉ Lý Nhật Quang



Quang cảnh phía trước Đền Quả

là người trông coi việc quân dân miền biên viễn châu Hoan - HSH chú).

Câu đối treo trong nội điện có nhiều, xin dẫn 1 đôi tiêu biểu:

Tiết liệt tráng sơn hà, Hoàng Lý dĩ lai lưu chính khí/ Huân danh thù vũ trụ, Hoan Nam tùy tại mộc cao ân 節烈壯山河皇李以來留正氣 / 勳名垂宇宙歡南隨在沐高恩 Tiết liệt mạnh sơn hà, triều Lý đến nay còn lưu chính khí/ Công danh trùm vũ trụ, châu Hoan theo đây vẫn thấm cao ân.

Tóm lại, đền Quả thờ Lý Nhật Quang - vị Tri châu Nghệ An đầu tiên và cũng là vị Tri châu tài đức vẹn toàn đầu tiên của Nghệ An. Hy vọng trong dịp kỷ niệm 990 năm danh xưng Nghệ An, tên tuổi Lý Nhật Quang sẽ càng có dịp tỏa ánh hào quang nhiều hơn nữa và mong muốn Nghệ An đã và sẽ có những vị đứng đầu tinh noi gương Lý Nhật Quang đưa Nghệ An vươn dậy trở thành một trong những tỉnh đứng đầu cả nước, thực hiện đúng bức thư cuối cùng ngày 21/7/1969 Bác Hồ gửi Ban Chấp hành Đảng bộ và nhân dân Nghệ An: “*Nghệ An là một tỉnh rộng lớn, có tài nguyên phong phú, nhân dân cần cù lao động và rất cách mạng. Bác mong đồng bào và đồng chí tỉnh nhà ra sức phấn đấu làm cho Nghệ An mau trở thành một trong những tỉnh khá nhất miền Bắc*”./.

Chú thích:

⁽¹⁾ Không rõ dựa vào nguồn nào, Wikipedia chép Lý Nhật Quang sinh năm 995, và tác giả Nguyễn Thị Liễu (trong bài *Đền Quả Sơn* đăng ở sách *Nghệ An Di tích Danh thắng*, Sở Văn hóa Thông tin xuất bản, 2001, tr.114) cho rằng Lý Nhật Quang sinh năm Mậu Tý (988), nhưng tất cả các tài liệu đều chép ông là em cùng mẹ vua Lý Thái Tông (vua sinh ngày 29/7/1000 - 1054), điều đó thật vô lý! Còn ý kiến của GS Hà Văn Tấn hẳn là chính xác vì các bộ chính sử đều chép

tên ông là Lý Nhật Quang. Thử đặt 2 tên cạnh nhau thì thấy rất rõ nếu 2 chữ Nhật Quang 日光 mà viết dính nhau thì thành chữ Hoàng 暘 (còn viết là 晃). Xin xem Hà Văn Tấn: *Về mối liên hệ giữa văn bản học và sử liệu học* trong sách *Một số vấn đề văn bản học Hán Nôm*, Nxb Khoa học xã hội, H,1983, tr.110.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Văn hóa - Thông tin, H.2003. T1, tr. 399.

⁽³⁾ Theo Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Giáo dục, 2007. T1, tr.72. Còn *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Việt sử thông giám cương mục* đều chép năm 1036 mới đổi Hoan Châu làm Nghệ An châu trại. Ở đây chúng tôi theo quan điểm của giới sử học hiện nay chọn mốc này theo Phan Huy Chú.

⁽⁴⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Văn hóa - Thông tin. H.2003. T1, tr. 407.

⁽⁵⁾ Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh (CB): *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, tái bản 2004, tr. 406

⁽⁶⁾ Ninh Viết Giao (CB), *Kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ*, Nxb Nghệ An, 1993. T1, tr.199-200.

⁽⁷⁾ *Bách thân sự tích*, Thái Kim Đình dịch và chú giải, Nxb Đại học Vinh, tr.21.

⁽⁸⁾ Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh* (bản dịch của Trịnh Đình Rư), Nxb Hồng Bàng, Gia Lai 2012, tr.6;61,62.).

⁽⁹⁾ Xem thêm: Trần Phi Công: *Miếu Tam Tòa*, Tạp chí Văn hóa Hà Tĩnh số 255, tháng 10/2019, tr.9-14.

⁽¹⁰⁾ Xem thêm: Nguyễn Thanh Lưu, “Uy Minh Vương Lý Nhật Quang, vị thần tướng ít được lịch sử nhắc tới”, Nguồn: Tạp chí Văn hóa Nghệ An <https://bookhunterclub.com/uy-minh-vuong-ly-nhat-quang-vi-than-tuong-it-duoc-lich-su-nhac-toi/>

⁽¹¹⁾ Nguồn: *Thơ văn Lý Trần* (tập II), Nxb Khoa học xã hội, 1988. Sử chép ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thân (tháng 1-1285), giặc đánh vào cửa ải Chi Lăng, Nội Bàng. Trước sức tiến quân ào ạt của 50 vạn quân Nguyên, thế quân ta bất lợi. Trần Quốc Tuấn cho lui quân về Vạn Kiếp. Vua Trần Nhân Tông lập tức ngự thuyền ra Hải Đông gặp Hưng Đạo Vương, không kịp ngự thiện, mãi đến chiều người lính Trần Lai mới dâng cơm, được vua ban khen là trung. Hưng Đạo Vương vâng mệnh chọn những người dũng cảm làm tiên phong, vượt biển vào Nam, thế quân lên dần. Các quân thấy vậy, không đạo quân nào không đến tập hợp. Vua làm hai câu thơ này để ở đuôi thuyền.

⁽¹²⁾ Theo *Thần tích đền Quả Sơn*. Chùa Bà Bụt nằm ở thôn Thượng Thọ, xã Bạch Ngọc, huyện Đô Lương, phủ Anh Sơn nay thuộc xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An. Đến nay còn lưu truyền bài về kể sự tích này. *Ở đất Bạch Ngọc/ Có đất Hàm Rồng/ Ra áp bờ sông/ Gọi rằng núi Quả/ Cây cao cội cả/ Lá tốt rả và/ Trên có bầy tòa/ Đều xây mái ngói/ Bốn mùa hương khói/ Thờ đức thánh ta/ Nguyên trước Ngài là/ Con vua nhà Lý/ Ra trị tỉnh Nghệ/ Mười chín năm tròn/ Nào nức tiếng đồn/ Mua nhân gió đức/ Sau Ngài đánh giặc/ Trên Trấn Ninh về/ Núi Quả cận kề/ Dừng chân nghỉ chút/ Gặp một Bà Bụt/ Có mười hai tay/ Xin hiến đất này/ Huyết thực vạn đại/ Ngài chung khi ấy/ Phút hóa thành thần/ Vây trước xã dân/ Lập đền phụng tự...* Theo Ninh Viết Giao (CB): *Kho tàng truyện kể dân gian xứ Nghệ*, Sdd, tr. 201-202.

⁽¹³⁾ Trần Viết Thụ (CB) *Địa danh lịch sử - văn hóa Nghệ An*, Nxb Nghệ An, 2005, tr.161-162.